

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số *45*/2017/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 19 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà Nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 11 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Xét Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-VHXH-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định khoảng cách và địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn tập trung cho học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng: học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông theo quy định tại khoản 2 Điều 2; điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

Điều 2. Quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh được phép ở lại trường do không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày đối với các trường ở xã, thôn đặc biệt khó khăn

1. Học sinh đi học đi qua địa hình và giao thông đi lại thuận lợi: nhà ở xa trường khoảng cách từ 04 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 07 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở và từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

2. Học sinh đi học đi qua địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: Phải qua sông, suối không có cầu; qua vùng sạt lở đất, đá; nhà ở xa trường khoảng cách từ 2,5 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 05 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở và từ 07 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

Điều 3. Quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh

1. Hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 250% mức lương cơ sở/tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; Số định mức hỗ trợ cho một trường không quá 05 định mức/tháng và không quá 09 tháng/năm (trong đó bao gồm kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người nấu ăn, hỗ trợ tiền điện và người quản lý học sinh).

2. Đối với trường tổ chức nấu ăn cho từ 15 đến 29 học sinh được hưởng hỗ trợ 0,9 định mức theo quy định tại khoản 1 Điều này; trường có từ 14 học sinh trở xuống không hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

- Từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo Luật Ngân sách Nhà nước;
- Từ nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 5. Thời gian thực hiện

Các nội dung trong Nghị quyết này được thực hiện từ năm học 2017-2018 trở đi.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.



Trần Tuệ Hiền